

Số: 90 /BC-MNBC

Tp.Thủ Đức, ngày 20 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Về tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2023-2024

- Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 84 ngày 13 tháng 9 năm 2023 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kiến đạt được; Chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục ban hành; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ. (Theo Biểu mẫu 01).

b. Cam kết chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: Số trẻ trên nhóm, lớp; số trẻ học bán trú không vượt quá quy định; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non, có sự phân chia nhóm, lớp theo độ tuổi đúng quy định (Theo Biểu mẫu 02).

c. Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

d. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng CBQL-GV-NV được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính: Công khai theo các văn bản quy định hiện hành về dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của cha

mẹ trẻ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b. Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của Ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên; Chi cho hoạt động chăm sóc giáo dục; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

d. Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

- Kết quả thực hiện

+ Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường;

- Công khai trong các kỳ họp liên tịch, họp Hội đồng sư phạm, họp Ban Đại diện cha, mẹ trẻ.

+ Thời điểm công khai:

*** Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

- Theo biểu mẫu 1, biểu mẫu 2 tại bảng tin trường và tại Hội nghị CB-CC-VC và Đại hội Cha mẹ trẻ vào tháng 10/2023

*** Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

- Theo biểu mẫu 3, biểu mẫu 4 tại bảng tin trường và tại Hội nghị CB-CC-VC và Đại hội Cha mẹ trẻ vào tháng 10/2023

*** Công khai thu chi tài chính:** Công khai theo ngày, định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm. Đảm bảo đầy đủ, chính xác. Cụ thể:

- Hằng ngày: Công khai tính tiền ăn: Lúc 8 giờ hằng ngày tại bảng công khai.

- Hằng tháng: Công khai thu chi các loại quỹ thu sự nghiệp từ cha, mẹ trẻ, thu chi ngân sách, tiền gửi kho bạc, các khoản thu nhập của BGH-GV-NV vào tuần 1 của tháng. Niêm yết tại bảng thông báo phòng họp và công khai tại buổi họp Liên tịch, Họp Hội đồng sư phạm hằng tháng.

- Hằng quý: Công khai thu chi kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ trẻ: Tháng 10 trong Đại Hội Cha mẹ trẻ, tháng 12, tháng 4 trong buổi họp định kỳ. Công khai tại bảng thông báo và gửi mail cho từng thành viên dự họp.

- Hằng năm: Công khai quyết toán thu chi các loại quỹ thu sự nghiệp từ cha, mẹ trẻ; thu chi ngân sách, tiền gửi kho bạc vào tháng 1 tại bảng thông báo, vào tháng 11 tại Hội nghị CB-CC-VC; kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ trẻ vào tháng 10 tại Đại hội cha mẹ trẻ.

+ Đã công khai các nội dung:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng: Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được; mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được; chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ; các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục (Biểu 01);

- Chất lượng giáo dục thực tế: Tổng số trẻ em toàn trường theo từng độ tuổi; số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở; số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em (Biểu 02)

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng, tường rào bảo vệ trường (Biểu 03);

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số cán bộ, giáo viên, hình thức tuyển dụng theo NĐ 161 (biên chế, hợp đồng làm việc; trình độ đào tạo (Biểu 04);

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính (kèm các biểu mẫu công khai tài chính)

Thực hiện công tác công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

+ Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về Quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

+ Học phí và các khoản thu khác từ người học.

+ Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi hội họp, hội thảo; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Công khai quyết toán NSNN năm 2023 (theo mục chi ngân sách) và các quỹ ngoài ngân sách năm học 2023 - 2024.

+ Công khai dự toán NSNN năm 2023 và dự toán các quỹ ngoài ngân sách năm học 2023 - 2024.

+ Công khai danh sách học sinh được nhận kinh phí hỗ trợ học tập.

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

1. Kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023 – 2024:

Nhà trường đã triển khai và thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định. Cụ thể:

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: mức độ về sức khỏe, năng lực, hành vi mà trẻ em sẽ đạt được sau mỗi lớp học, chương trình giáo dục mà cơ sở tuân thủ, các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của cơ sở giáo dục.

Chương trình nhà trẻ: Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT).

Chương trình mẫu giáo: Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT).

Lớp 5-6 tuổi thực hiện chương trình giáo dục kết hợp với bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế: Công khai số trẻ em trên lớp, số trẻ em học hai buổi/ngày, số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở, kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em, số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi.

- Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục :

Nhà trẻ: Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN (Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015). Thông tư 13/2020/TT-BGD ngày 26/05/2020 Thông tư Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học.

Mẫu giáo: Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN (Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thông tư 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015. Thông tư 13/2020/TT-BGD ngày 26/05/2020 Thông tư Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học.

Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được:

- Trẻ nhà trẻ: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi dưới 1,5 %.

- Trẻ mẫu giáo: Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi dưới 1 %.

Mức độ về năng lực hành vi mà trẻ em sẽ đạt được

- Trẻ nhà trẻ: Đạt 92% - 95% trẻ thực hiện tốt

- Trẻ mẫu giáo: Đạt 95% - 98% trẻ thực hiện tốt

c) Đạt chuẩn quốc gia: Không có

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 2 năm 2016, Mức độ 1 năm 2020.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo

* Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên: 31

Trong đó: đại học 17, cao đẳng: 05, trung cấp: 01; Sơ cấp: 07, không chuyên môn: 01 (Bảo vệ).

* Tổng số giáo viên: 19. Biên chế: 19.

Trong đó: Đại học: 15 đ/c; Cao đẳng: 04 đ/c; Trung cấp: 02 đ/c.

* Cán bộ quản lý: 3. Đại học: 03.

Trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02

* Nhân viên: 09

Trong đó: văn thư – kế toán: 1, y tế - thủ quỹ: 0; nhân viên khác: 08

1.3. Công khai thu chi tài chính:

- Đối với các nội dung dự toán năm ngân sách và quyết toán ngân sách, các nội dung thu-chi ngân sách và thu- chi khác theo quý. Nhà trường thực hiện công khai tại cuộc họp Hội đồng trường; đồng thời niêm yết công khai báo cáo tổng hợp hoạt động thu chi tài chính của đơn vị tại bảng thông báo vào tháng 9 hàng năm; biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính.

- Đối với các nội dung công khai mức thu học phí, và một số khoản thu theo thỏa thuận trong năm học; chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp miễn giảm học phí đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện được hưởng chính sách xã hội; Nhà trường thực hiện thông báo công khai tại các cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học.

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học:

- Công khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện các khoản thu;

- Công khai mức thu học phí, và dự toán thu chi các khoản thu thỏa thuận, ủng hộ.

c) Các khoản chi theo từng năm học:

Công khai bảng chi trả thu nhập của cán bộ, giáo viên,

Công khai dự toán và quyết toán các khoản chi chuyên môn, hội nghị, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị phục vụ chăm sóc giáo dục trẻ.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai danh sách học sinh thuộc diện hộ nghèo được hưởng chế độ hỗ trợ tiền chi phí học tập, miễn giảm học phí.

2. Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

- Nhà trường thực hiện công khai các biểu mẫu theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, niêm yết để mọi người biết và theo dõi giám sát và thông báo cho Hội đồng sư phạm giáo viên, ban đại diện CMHS nắm các nội dung nhà trường đã công khai.

- Tiếp tục duy trì kiểm định chất lượng giáo dục trong năm học 2023-2024.

- Phấn đấu trong năm học 2023 - 2024 không có đơn thư khiếu nại của cha mẹ học sinh cũng như đội ngũ giáo viên về nội dung mà nhà trường đã công khai.

- Nhận xét, đánh giá:

+ Ưu điểm:

Trong năm học qua việc thực hiện quy chế công khai trong hoạt động của nhà trường được thực hiện đầy đủ, tình hình dân chủ từng bước được nâng lên, nhận thức của cán bộ giáo viên, nhân viên có nhiều chuyển biến, đề cao trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nội quy quy chế của nhà trường, nội bộ đoàn kết, không có trường hợp tiêu cực tham nhũng bị xử lý.

Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với cha mẹ học sinh được tốt hơn.

+ Hạn chế:

Trình độ chuyên môn của Cán bộ quản lý chưa được nâng cao (thạc sĩ); Còn 01 giáo viên trình độ Trung cấp sư phạm; 01 nhân viên bảo vệ chưa qua đào tạo.

- Đề nghị: Không có.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

